

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----**-----

Bản án số: 180 /2019/HN-ST

Ngày 22 tháng 11 năm 2019

***V/v “ Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung ”***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tôi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bích Hiền
- Ông Phạm Minh Tấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định: Ông Trần Đức Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2019/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2019, về việc: “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2019/QĐXX-STHN, ngày 01 tháng 11 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 198/2019/QĐ-HPT, ngày 13/11/2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn Nhon S, xã N, huyện Hoài A, tỉnh BD

Hiện tạm trú: Thôn Hội N , xã H, huyện Hoài A, tỉnh BD.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn Nhon S , xã N, huyện A, tỉnh BD.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn kiện đề ngày 31/7/2019, bản tự ngày 15/8/2019 cũng như trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Trần Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tìm hiểu thời gian một năm, rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện A, tỉnh BĐ vào ngày 04 tháng 12 năm 2017. Sau khi cưới vợ chồng vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn sinh sống, chị làm công nhân còn anh T thì lái xe thuê, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Khoảng một năm sau khi kết hôn thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn khiến tình cảm rạn nứt do anh T hay đi nhậu cùng bạn bè, khi về nhà chị có nói phải trái thì bị anh ấy đánh, mâu thuẫn nổi tiếp nữa là anh có nhân tình bên ngoài và bắt đầu có sự bỏ bê gia đình vợ con, hai bên cha mẹ có dàn xếp nhưng không có kết quả gì. Do không chịu đựng được cách xử sự của anh T nên tháng 11/2018 chị đã bỏ con về quê và ở nhà cha mẹ ruột của chị ở thôn H, xã H sống và làm công nhân Công ty may Nhà Bè tại Hoài Ân; thu nhập từ 4.500.000,đ đến 5.000.000,đ/tháng. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu ly hôn với anh T .

Về con chung: Chị và anh T có một con chung tên Nguyễn Trần Thiên B , sinh ngày 17/4/2018 hiện con đang ở với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có yêu cầu Tòa giải quyết.

Còn đối với bị đơn Nguyễn Văn T : Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cân, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, nhưng anh T cố tình không đến. Ngày 03/9/2019 mẹ của anh T là bà Nguyễn Thị H có đến Tòa án báo anh T đang lái xe ở Sài Gòn nên không về được. Qua trình bày của mẹ anh T (bà H) thì:

Về hôn nhân: Con trai bà là Nguyễn Văn T và Trần Thị N cưới nhau năm 2017, sau khi cưới thì vợ chồng chị N và anh T cùng nhau vào Sài Gòn làm ăn sinh sống, đến khoảng tháng cuối năm 2018 bà thấy chị N đưa con về nhà cha mẹ của chị ở xã H, huyện A sống, bà nghe tin chị N về thì bà có đến nói chuyện với gia đình chị N và động viên chị N quay vào Sài Gòn sống với chồng, nhưng không được chị N chấp nhận. Sau đó 10 ngày thì T có về nhà phía vợ nói chuyện và xin đưa N đi nhưng N không chịu đi mà ở nhà cha mẹ ruột luôn cho đến nay làm đơn ly hôn T. Sau khi nhận thông báo của Tòa án về việc yêu cầu ly hôn của N đối T, bà đã gọi điện thoại thông báo cho anh T biết nhưng anh T nói Tòa án cứ giải quyết theo pháp luật chứ không về được và không có ý kiến gì cả.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng qui định của Pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước

khi Hội đồng xét xử nghị án. Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi cưới giữa chị N và anh T có mâu thuẫn tuy không lớn nhưng do cách xử sự của hai bên thiếu tế nhị nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng xảy ra xung đột, thường hay cãi vã nhau, có lần anh T đã đánh chị N và chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ cuối năm 2018 cho đến nay và thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu ly hôn anh T. Anh T thì cố chấp, sau khi về động viên chị N không được thì bỏ mặc phần ai nấy sống không quan tâm gì đến vợ con. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con của nguyên đơn Trần Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại xã H, huyện A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn T có thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, có chứng nhận kết hôn số 99, cấp ngày 04/12/2017, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Sau thời gian chung sống khoảng 1 năm, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn tuy không lớn nhưng do hai bên không có cách xử sự tế nhị, nên đã làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị N thì không chịu khó nhẫn nhịn, vun đắp cho gia đình nên đã đưa con về quê sống. Còn anh T thì cố chấp, tuy có lần anh đã về quê động viên chị N trở về vợ chồng chung sống nhưng không được chị N chấp nhận, thế là anh đã bỏ mặc mẹ con chị N tự lo liệu cho cuộc sống ở quê và cũng kể từ thời gian đó giữa anh T và Chị N mỗi người có cuộc sống riêng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa và chị N nhận thấy không cần có anh T trong cuộc sống nên đã khởi kiện ly hôn anh T. Tòa án đã thông báo hợp lệ cho anh T về việc thụ lý vụ án và các thủ tục khác theo qui định của Pháp luật nhưng anh T cố tình vắng mặt, việc này cũng đồng nghĩa với việc anh T từ bỏ về quyền lợi, nghĩa vụ của mình trước Tòa án. Tại biên bản xác minh ngày 25/9/2019, chính quyền địa phương xác nhận anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị N có con chung tên Nguyễn Trần Thiên B có cùng hộ khẩu với hộ ông Nguyễn C tại thôn S, xã N, huyện Hoài Ân, nhưng việc vợ chồng mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không biết. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn đã gay gắt, hiện nay họ không chung sống với nhau nữa và điều này cho thấy mâu thuẫn giữa họ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội

đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Trần Thị N; Chị Trần Thị N được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T là phù hợp với qui định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Từ khi anh chị ly thân vào cuối năm 2018 cho đến nay chị N trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trần Thiên B, sinh ngày 17/4/2018. Anh T không thể hiện nguyện vọng muốn nuôi con, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao người con chung Nguyễn Trần Thiên B cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N không có yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Đương sự phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBNVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa hôm nay là phù hợp với nhận định của Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBNVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị N.

1. *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số: 99/2017, cấp ngày 04/12/2017, của Ủy ban nhân dân xã N, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao người con chung tên Nguyễn Trần Thiên B, sinh ngày 17/4/2018 cho chị Trần Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N không có yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Án phí sơ thẩm ly hôn 300.000,đ chị Trần Thị N phải nộp. Chị Trần Thị N được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000,đ theo biên lai thu số 0005862, ngày 15/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

5. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên Toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- THADS huyện.
- UBND xã N.
- Các bên Đương sự.
- Lưu Hồ sơ.